TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ - ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2019
V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Khổng Thị Mai Hạnh

2. Ông Nguyễn Thái Hoà

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 52/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1982(có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (có mặt).

Đều trú tại: Khu 6, thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày: Ngày 20/12/2001, chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T (nay là thị trấn T), huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi cưới có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Cưới xong, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, sau phát sinh mâu thuẫn. Năm 2004, vì điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, chị đi xuất khẩu lao

động ở Đài Loan. Tài sản chị tích cóp trong thời gian xuất khẩu lao động đều gửi về để lo liệu cuộc sống cho bố con anh T. Đến năm 2007, chị về nước thì nghe được thông tin anh T ở nhà có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác. Được gia đình khuyên ngăn và động viên, chị đã tha thứ cho anh T một cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau đó chị tiếp tục đi xuất khẩu lao động đến năm 2018 thì chị về nước hẳn. Sau khi về nước, chị có nghe và được biết thông tin anh T ở nhà vẫn tiếp tục có mối quan hệ với người phụ nữ khác và có con riêng nên từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt, dạn nứt, mất lòng tin. Thêm vào đó, tài sản do chị vất vả lao động gửi về lo cho cuộc sống gia đình cũng không còn. Bản thân anh T thiếu trách nhiệm với vợ con. Chung sống nhiều năm nhưng anh T chưa một lần chung sức, trợ giúp chị về kinh tế để lo lắng cho cuộc sống gia đình. Do vậy, trong khoảng thời gian hơn một năm nay, mặc dù vợ chồng ở cùng nhà với nhau nhưng cả hai sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 13/9/2002. Hiện nay, cháu C đang ở cùng chị và anh T. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cháu C và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2019 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn T khai: Về quá trình kết hôn chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị T trình bày. Anh thừa nhận một phần lỗi do anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác trong thời gian chị T không có ở nhà nhưng anh không có con riêng với ai khác. Tuy nhiên chị T không tin anh và tha thứ cho anh nên dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thờ ơ với nhau. Anh cũng thừa nhận anh và chị T cùng sống trong một nhà nhưng cả hai không ai quan tâm, nói chuyện với nhau hơn một năm nay. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh vẫn mong chị T tha thứ lỗi lầm cho anh để vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có một con chung đúng như chị T trình bày. Hiện nay cháu C đang ở cùng anh và chị T. Nếu có sự ly hôn, anh đề nghị Toà án xem xét nguyện vọng muốn ở với ai của cháu và giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án tiến hành xác minh tại địa phương là thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, nơi chị T và anh T kết hôn và chung sống. Đại diện chính quyền địa phương xác nhận quá trình kết hôn, chung sống của chị T và anh T đúng như anh chị trình bày. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cụ thể như thế nào thì địa phương không biết. Địa phương chỉ được biết chị T đi xuất khẩu lao động từ năm 2004 đến năm 2018 chị T mới về nước. Nay chị T xin ly hôn với anh T, quan điểm của địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 13/9/2002. Hiện nay, cháu C đang ở cùng chị T và anh T. Nếu anh chị ly hôn, địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị T, anh T có tài sản gì, nợ nần ai thì địa phương không biết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức C. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền thăm nom con không ai được cản trở; Tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đặng Thị T có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và đề nghị phân chia nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[2] . Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, do anh T đã từng không chung thuỷ trong cuộc sống hôn nhân dẫn đến vợ

chồng mất đi niềm tin, tình cảm và sự thông cảm cho nhau. Tại phiên toà, chị T khẳng định chị đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T không thay đổi, vẫn tiếp tục thiếu trách nhiệm với gia đình, khiến chị mất niềm tin, tình cảm với anh T không còn nên vợ chồng không thể về đoàn tụ được với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không nhất trí với việc chị T xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên qua những buổi làm việc tại Toà án, mặc dù đã được giải thích và động viên để tìm hướng hoà giải giữa hai vợ chồng nhưng bản thân anh T không thực sự bày tỏ nỗ lực hàn gắn. Anh không đồng ý ly hôn nhưng lại bỏ mặc, không có biện pháp gì thuyết phục và cải thiện tình cảm vợ chồng, dẫn đến tình trạng hai vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm, chia sẻ cùng nhau. Anh T đề nghị Toà án tiếp tục tiến hành hoà giải cho anh và chị T, song tại buổi hoà giải được Toà án ấn định, anh T đang làm việc giữa chừng thì tự ý bỏ về. Điều đó chứng tỏ anh T không thực sự có mong muốn hàn gắn, không có quyết tâm đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Tại phiên toà hôm nay, chị T và anh T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T và anh T, điều kiện, hoàn cảnh của anh chị cũng như xem xét nguyện vọng của cháu C, cháu muốn ở cùng mẹ, Hội đồng xét xử xét thấy: Để bảo đảm quyền lợi cũng như tôn trọng ý kiến cá nhân của cháu C nên giao cháu C cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

[5]. Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị T, anh T không yêu cầu do vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án

Xử:

1. Cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 13/9/2002. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002080 ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường; Chị Đặng Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thái Hoà **Khổng Thị Mai Hạnh** **Bùi Thị Đoan Trang**